

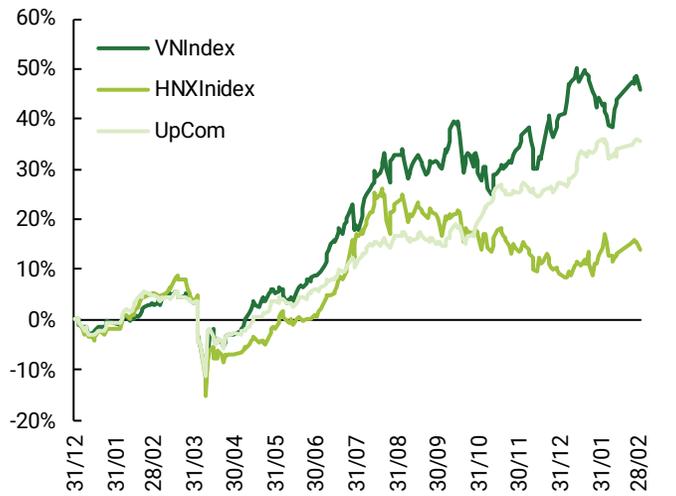
VN-Index **1846.1 (-1.82%)**
 1660 Tr. cổ phiếu 47577.9 Tỷ VND (57.50%)

HNX-Index **259 (-1.45%)**
 138 Tr. cổ phiếu 3320.6 Tỷ VND (61.85%)

UPCOM-Index **128.71 (-0.46%)**
 92 Tr. cổ phiếu 1637.4 Tỷ VND (-4.34%)

VN30F1M **2015.00 (-1.88%)**
 236,635 HD OI: 34,099 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1846.1, giảm -34.2 điểm (-1.82%). Thanh khoản tăng với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc đỏ cũng chi phối ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Những nhóm ngành hưởng lợi từ diễn biến căng thẳng địa chính trị Mỹ - Iran nhìn chung phân hóa và hút tiền với giao dịch tích cực, trong khi phần lớn các nhóm ngành khác chịu áp lực bán chi phối. Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Dầu khí: BSR (+6.9%), PLX (+6.9%), PVD (+7.0%) | Hóa chất: DPM (+6.9%), DPR (+6.9%), DCM (+7.0%) | Tiện ích: POW (+6.9%), GAS (+7.0%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: PVT (+6.9%), VTO (+6.9%). Diễn biến yếu: Bất động sản: TAL (-6.1%), DIG (-4.7%), NLG (-4.1%) | Ngân hàng: VCB (-2.5%), TCB (-2.2%) | Xây dựng và Vật liệu: CII (-3.4%), EVG (-2.8%), CTR (-2.7%) | Dịch vụ tài chính: VDS (-2.7%), FTS (-2.6%), CTS (-2.4%).
 Tác động chỉ số: Chiều tăng | GAS, GVR, BSR, PLX, POW - Chiều giảm | VIC, VHM, BID, VCB, TCB
 Khối ngoại Mua ròng gần 760 tỷ, tập trung nhiều ở HPG, SSI, MWG, trong khi bán ròng VCB, POW, CTG.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Marubozu cùng thanh khoản tăng mạnh, hàm ý lực cung chủ động. Thị trường tiếp tục cho thấy sự phân hóa sâu rộng hơn. Dù diễn biến ngắn hạn giúp một số ngành hưởng lợi từ căng thẳng địa chính trị Mỹ - Iran, nhưng xu hướng tăng có thể kém bền vững nếu cục diện thay đổi. Bên cạnh đó, nhóm dẫn dắt đầu ngành vẫn chưa tạo được lan tỏa, với các bước tăng đơn lẻ. Tâm lý thận trọng nhìn chung vẫn đang chi phối. Trước tình hình chiến sự còn phức tạp, VN-Index khả năng hạ nhiệt và kiểm định lại hỗ trợ ngắn hạn quanh 1820 - 1840 điểm, trong khi mức hỗ trợ thấp hơn nếu mốc tâm lý 1800 điểm bị xuyên thủng là vùng 1750 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, áp lực bán cũng chi phối đẩy chỉ số về khu vực hỗ trợ ngắn hạn quanh vùng 256 - 260. Cung - cầu khả năng tiếp tục giằng co quanh đây. Mức hỗ trợ thấp hơn hiện quanh ngưỡng 250 điểm.
- **Chiến lược:** Dòng tiền đang trở lại phân hóa, NĐT nên quản trị theo từng cổ phiếu. Hạ tỷ trọng danh mục về mức trung bình nếu tỷ lệ margin còn cao. Đối với các mã đạt kỳ vọng, NĐT có thể chốt lời một phần. Trường hợp xuất hiện cổ phiếu vi phạm hoặc tiếp tục suy yếu về dòng tiền nên giảm tỷ trọng. Ngược lại, các cổ phiếu điều chỉnh nhưng vẫn giữ được nền giá hoặc hỗ trợ mạnh có thể tiếp tục nắm giữ. Các nhóm ngành nổi bật: Dầu khí, Hóa chất, Vận tải - Cảng, Chứng khoán.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Nắm giữ DDV – Mua DRI, TPB (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,846.1 ▼	-1.82%	-0.8%	2.2%	47,577.9 ▲	57.5%	101.7%	48.8%	1,659.6 ▲	65.5%	118.5%	69.9%
HNX-Index	259.0 ▼	-1.45%	-1.1%	-0.5%	3,320.6 ▲	61.9%	134.9%	50.4%	138.2 ▲	48.0%	121.3%	47.3%
UPCOM-Index	128.7 ▼	-0.46%	0.5%	-0.3%	1,637.4 ▼	-4.3%	75.2%	20.3%	91.6 ▼	-17.2%	132.1%	57.9%
VN30	2,010.8 ▼	-2.5%	-1.4%	0.3%	24,789.6 ▲	63.5%	96.2%	33.3%	646.0 ▲	79.3%	100.2%	52.2%
VNMID	2,273.9 ▼	-1.1%	-0.5%	2.5%	17,317.6 ▲	45.4%	102.3%	59.9%	675.2 ▲	53.7%	105.4%	64.7%
VNSML	1,500.1 ▼	-1.14%	-0.5%	0.2%	3,300.4 ▲	101.5%	162.3%	62.6%	168.5 ▲	82.0%	117.1%	37.4%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	658.6 ▼	-3.2%	1.44%	-1.0%	12,327.1 ▲	97.61%	72.0%	89.3%	467.2 ▲	113.1%	76.1%	95.7%
Bất động sản	780.1 ▼	-3.7%	4.1%	8.4%	5,250.7 ▲	30.7%	57.5%	63.6%	199.2 ▲	33.2%	68.3%	90.0%
Dịch vụ tài chính	338.7 ▼	-1.9%	5.2%	8.1%	6,960.0 ▲	67.9%	85.8%	179.8%	251.4 ▲	75.7%	77.7%	160.0%
Công nghiệp	285.3 ▼	-0.5%	6.8%	6.9%	3,539.2 ▲	52.2%	79.7%	195.3%	79.9 ▲	23.3%	54.7%	139.6%
Tài nguyên cơ bản	560.4 ▼	-1.2%	6.5%	8.3%	2,949.5 ▲	73.3%	20.1%	109.6%	114.3 ▲	76.9%	22.8%	106.8%
Xây dựng - Vật Liệu	188.7 ▼	-1.4%	4.3%	11.9%	2,406.3 ▲	23.4%	46.8%	139.9%	103.6 ▲	37.9%	60.7%	138.1%
Thực phẩm	524.1 ▼	-0.9%	-10.1%	-20.1%	2,875.4 ▲	36.9%	2.5%	48.8%	66.6 ▲	45.9%	24.5%	68.4%
Bán Lẻ	1,674.1 ▼	-2.7%	0.7%	10.2%	1,872.2 ▲	95.5%	84.7%	61.4%	25.3 ▲	101.7%	79.9%	67.8%
Công nghệ	480.2 ▼	-3.6%	-3.3%	-8.4%	1,784.4 ▼	-3.5%	-31.5%	34.6%	27.0 ▲	19.9%	-11.9%	74.9%
Hóa chất	223.7 ▲	5.95%	9.6%	5.6%	2,784.0 ▲	61.2%	88.4%	206.1%	66.2 ▲	44.5%	79.8%	180.2%
Tiện ích	961.4 ▲	5.6%	5.3%	-1.7%	1,893.4 ▲	145.5%	185.7%	203.7%	89.8 ▲	180.5%	307.8%	332.5%
Dầu khí	144.3 ▲	6.91%	21.0%	25.2%	1,268.0 ▼	-4.5%	-10.2%	11.2%	26.6 ▼	-22.7%	-32.8%	-22.7%
Dược phẩm	448.1 ▼	-1.0%	0.0%	0.7%	34.4 ▲	3.3%	-24.0%	-19.8%	1.9 ▲	63.0%	50.2%	36.6%
Bảo hiểm	125.3 ▬	0.8%	5.4%	14.4%	96.1 ▼	-3.8%	6.1%	11.5%	2.4 ▲	15.9%	30.0%	30.4%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,846.1 ▼	-1.82%	3.5%	16.9x	2.3x
SET-Index	Thái Lan	1,467 ▼	-4.04%	16.4%	17.1x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	8,017 ▼	-2.65%	-7.3%	20.6x	2.1x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,481 ▼	-1.03%	1.4%	15.9x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,427 ▼	-2.79%	6.2%	11.2x	1.4x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,183 ▬	0.47%	5.4%	19.9x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,060 ▼	-2.14%	1.7%	13.5x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	58,057 ▼	-1.35%	15.3%	22.7x	2.8x
S&P 500	Mỹ	6,879 ▼	-0.43%	0.5%	26.9x	5.4x
Dow Jones	Mỹ	48,978 ▼	-1.05%	1.9%	24.4x	5.6x
FTSE 100	Anh	10,801 ▼	-1.00%	8.8%	16.7x	2.5x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,009 ▼	-2.11%	3.8%	18.0x	2.5x
DXY		98.3 ▬	0.69%	0.0%		
USDVND		26,169 ▬	0.50%	-0.5%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

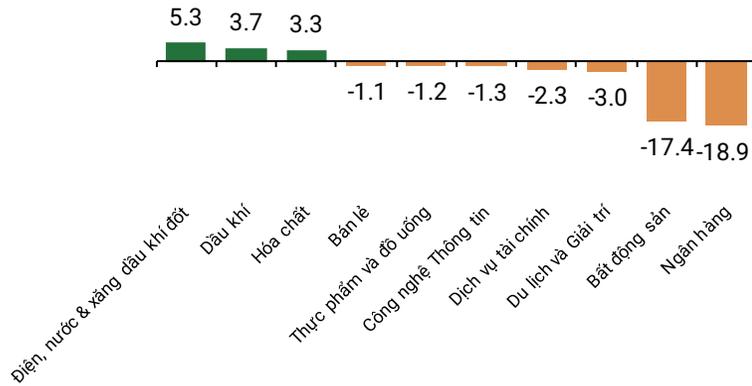
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	8.2%	18.3%	28.8%	7.1%
Dầu WTI	▲	10.3%	15.7%	25.2%	3.1%
Khí gas	▲	5.7%	-7.7%	-19.0%	-22.1%
Than cốc (*)	▬	0.0%	0.0%	0.0%	5.9%
Thép HRC (*)	▼	-0.1%	-1.0%	-0.9%	-5.1%
PVC (*)	▼	-1.4%	-2.8%	3.6%	-4.4%
Phân Urea (*)	▼	-0.2%	7.0%	18.8%	21.0%
Cao su thiên nhiên	▼	-0.7%	9.8%	13.0%	0.7%
Bông Cotton	▬	0.0%	1.5%	-1.0%	-0.4%
Đường	▼	-0.8%	-0.6%	-5.5%	-27.3%
World Container Index	▼	-1.1%	-9.9%	-14.2%	-27.8%
Baltic Dirty tanker Index	▲	10.1%	15.0%	50.9%	125.0%
Vàng	▲	2.2%	15.7%	24.9%	88.7%
Bạc	▲	1.8%	20.4%	33.2%	206.4%

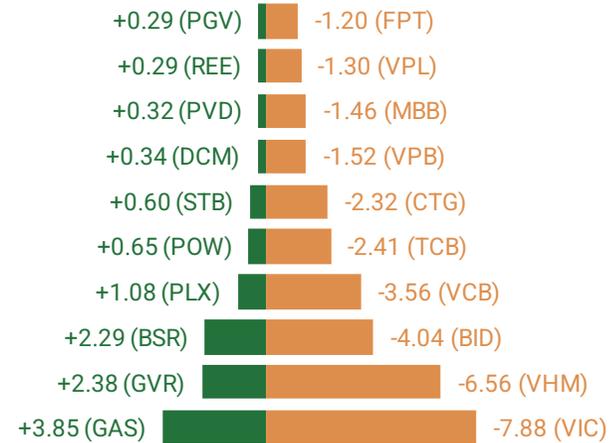
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

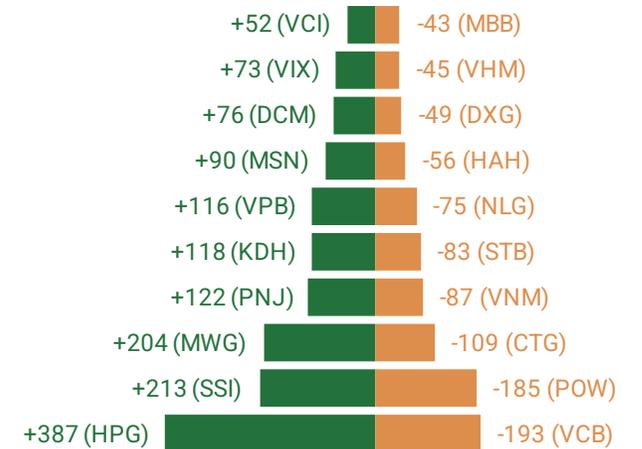
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



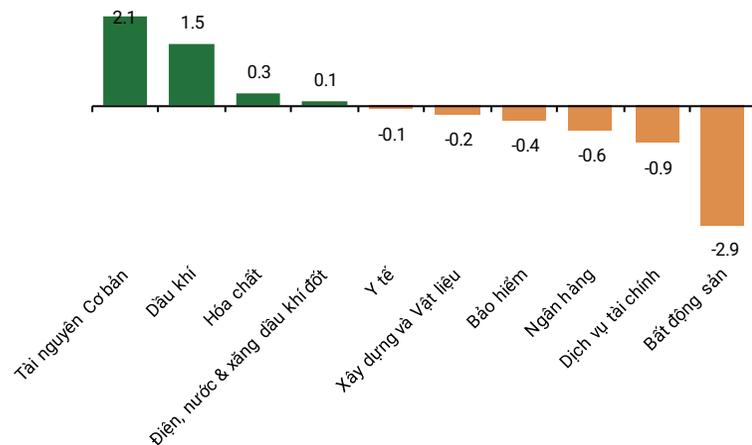
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



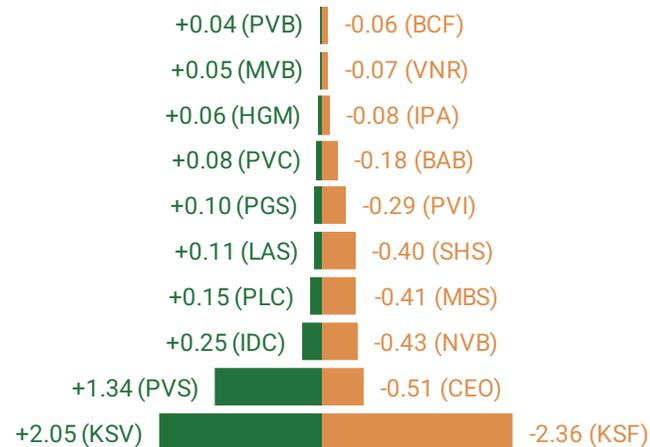
TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



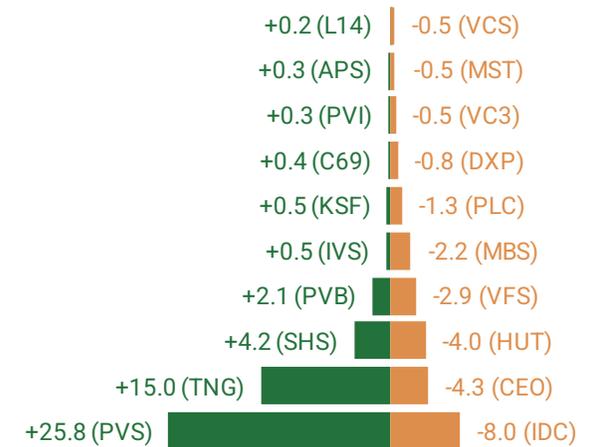
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



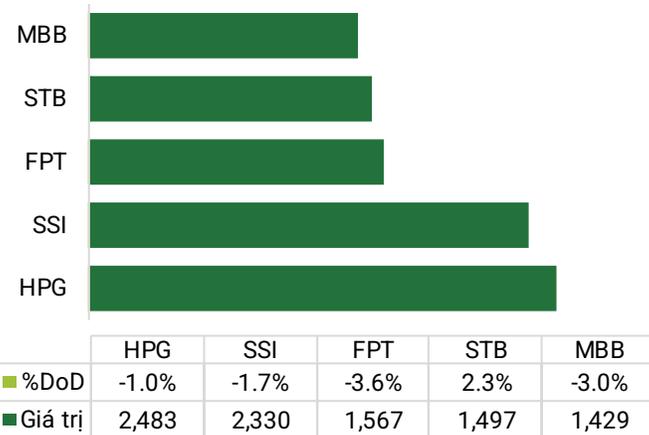
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



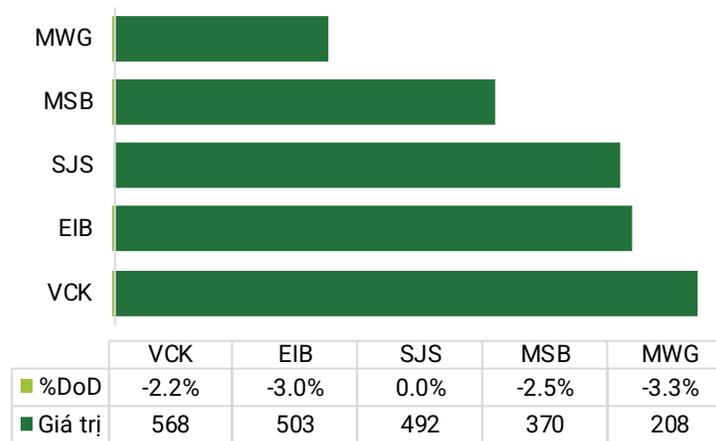
TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

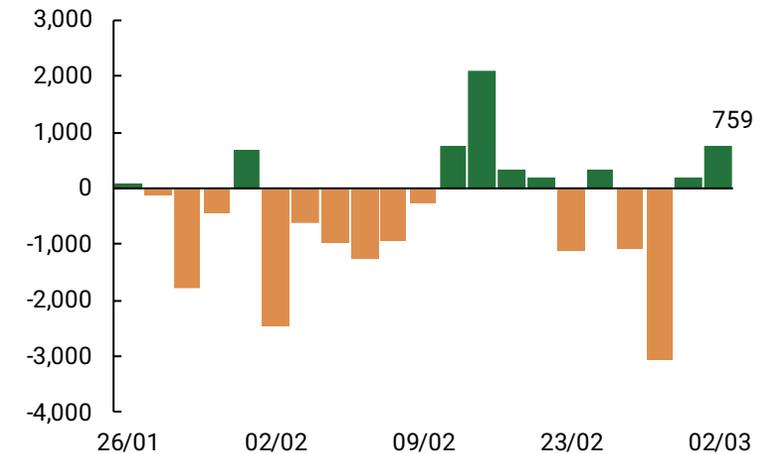


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

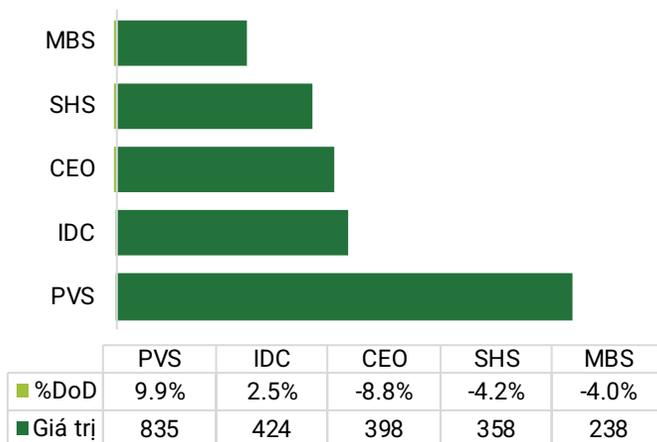


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

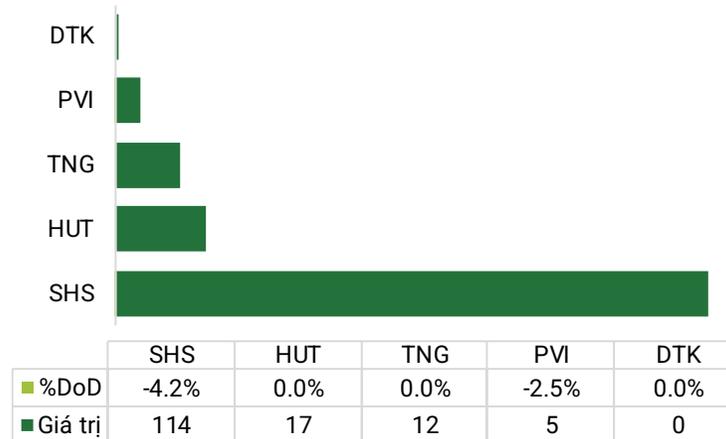
GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



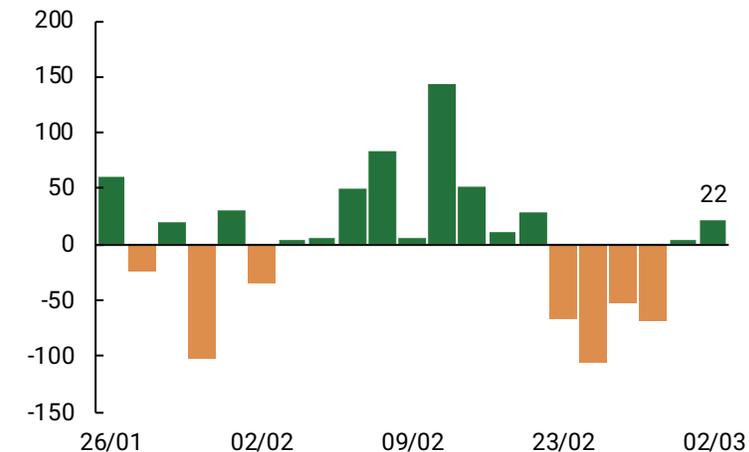
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Marubozu, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1800 - 1820.
- ✓ Kháng cự: 1880 - 1900.
- ✓ Chỉ báo RSI, MACD suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định mốc tâm lý 1800 điểm.

Kịch bản: Chỉ số giảm về lại dưới ngưỡng 1850 điểm, thấp hơn nền giá của các phiên trước cho thấy động lượng tăng suy yếu đáng kể. Thay vào đó, lực cung chủ động có xu hướng gia tăng. Nếu các phiên tới VN-Index không phục hồi lên trên ngưỡng này, áp lực điều chỉnh có thể tiếp chi phối chỉ số lùi về kiểm định khu vực hỗ trợ tâm lý 1800 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Marubozu, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1980 - 2000.
- ✓ Kháng cự: 2080 - 2100.
- ✓ Chỉ báo RSI, MACD cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định mốc tâm lý 2000 điểm.

➔ Lực cung nhìn chung trở lại chiếm ưu thế. Chỉ số giảm phủ định hoàn toàn bước tăng của các phiên trước cho thấy động lượng tăng suy yếu và xu hướng đi lên đang bị lung lay. Mốc hỗ trợ tâm lý 2000 điểm khả năng diễn ra rung lắc mạnh, nơi cung - cầu tiếp tục được kiểm định. Trong khi kháng cự ở chiều hồi phục giờ là ngưỡng 2040 - 2050 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	DDV	HOLD	Current price	33.44		P/E (x)	7.7
Exchange	UPCoM		Action price (2/3)	29.4	13.7%	P/B (x)	2.2
Sector	Specialty Chemicals		Cut loss (new)	30		EPS	4336.1
			Target price	36	22.4%	ROE	31.4%
			Target price (old)	33.5		Stock Rating	A
						Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá chạm mục tiêu ngắn hạn 33.5.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu, cùng với RSI vẫn duy trì trên mức trung bình hàm ý động lượng tăng ổn định.
 - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền tham gia tích cực.
 - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng kỳ vọng kiểm định lại đỉnh lịch sử.
- ➔ Khuyến nghị Nắm giữ, nâng giá mục tiêu lên 36 cùng ngưỡng bán chủ động lên 30.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	DRI	BUY	Current price		14.8	P/E (x)	6.8
Exchange	UPCoM		Action price	02/03	13.2 - 13.7	P/B (x)	1.5
Sector	Commodity Chemicals		Target price		16	EPS	2167.7
			Cut loss		12.4	ROE	24.7%
						Stock Rating	A
						Scale Market Cap	Medium


TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá kiểm định tốt hỗ trợ 13 – 13.5.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu, trong khi RSI cũng giữ đà tăng trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng cải thiện.
 - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
 - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng kiểm định vùng đỉnh lịch sử.
 ➔ Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	DDV	Năm giữ	02/03/2026	33.4	29.2 – 29.6	-	36.0	22.4%	30.0	2.0%	Cập nhật trên Elite Picks
2	TPB	Mua	02/03/2026	17.80	17.9 – 18.1	-	20.0	11.1%	17	-5.6%	Cập nhật trên Elite Picks
3	DRI	Mua	02/03/2026	14.8	13.2 - 13.7	-	16.0	19.0%	12.4	-7.8%	Cập nhật trên Elite Picks

mục cổ

khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MSN	Mua	23/01/2026	-	78.40	79.4 – 79.9	-1.6%	88.0	10.5%	75	-6.0%	
2	SSI	Mua	24/02/2026	-	31.85	31.2 – 31.6	1.4%	35.0	11.5%	29.4	-6.4%	
3	DDV	Năm giữ	24/02/2026	02/03/2026	33.44	29.2 – 29.6	13.7%	36.0	22.4%	30.0	2.0%	
4	HUT	Mua	25/02/2026	-	16.00	16.3 – 16.6	-2.7%	18.5	12.5%	15.4	-6.4%	
5	HAH	Mua	26/02/2026	-	67.10	61.5 – 62	8.7%	70.0	13.4%	57.5	-6.9%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2015, giảm 38.6 (-1.9%). Thanh khoản tăng và trên mức bình quân 20 phiên. Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD đang cắt xuống đường tín hiệu, tuy nhiên RSI gần tiếp cận mức quá bán có thể thúc đẩy nhịp hồi. Chiều Short nên chờ giá bật tăng và xác nhận tín hiệu suy yếu trở lại. Theo đó, vị thế Short cần nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 2012, hoặc khi tiếp tục đánh ngưỡng 1998 điểm. Vị thế Long hạn chế, cần nhắc khi giá vượt và củng cố được trên ngưỡng 2036.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1900.1, giảm 36.6 điểm (-1.9%). Độ lệch basis -3.4 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 153 HĐ. Hỗ trợ gần hiện cũng quanh khu vực 1900 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1920 điểm.

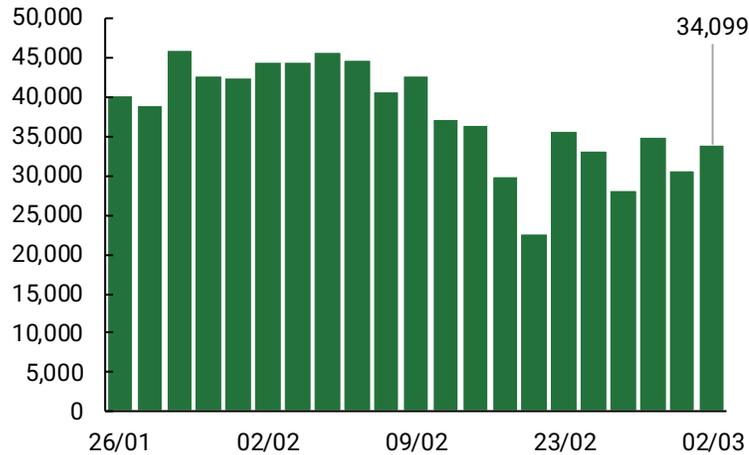
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Short	< 2012	2000	2020	12 : 08
Short	< 1998	1984	2008	14 : 10
Long	> 2036	2050	2028	14 : 08

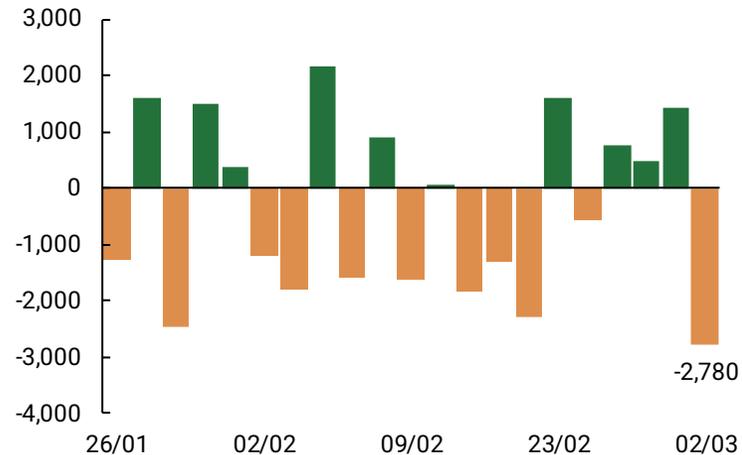
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	2,016.8	-33.2	128	220	2,021.7	-4.9	17/09/2026	199
4111G6000	2,018.1	-34.0	170	375	2,016.7	1.4	18/06/2026	108
4111G4000	2,015.4	-38.4	720	747	2,013.2	2.2	16/04/2026	45
4111G3000	2,015.0	-38.6	236,635	34,099	2,011.7	3.3	19/03/2026	17
4112G3000	1,900.1	-36.6	153	64	1,904.4	-4.3	19/03/2026	17

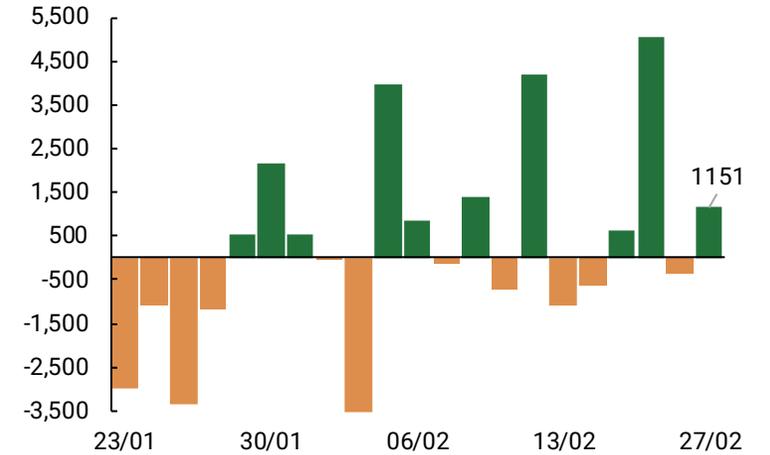
Khối lượng mở (Open interest)



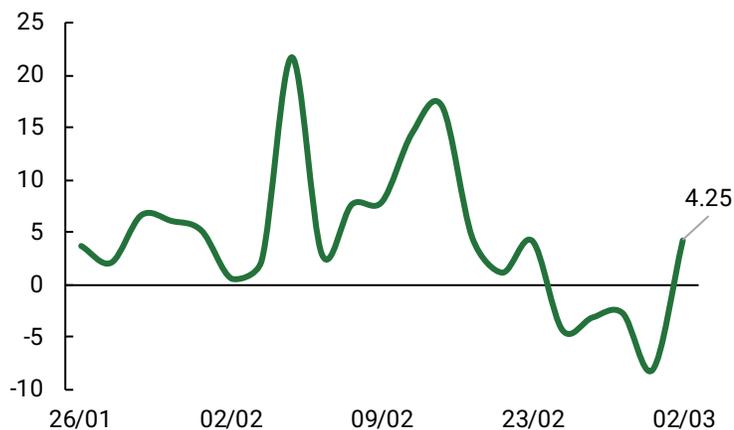
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



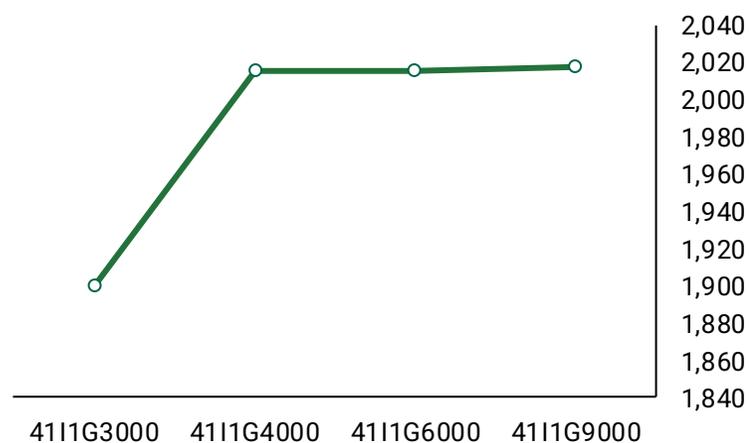
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



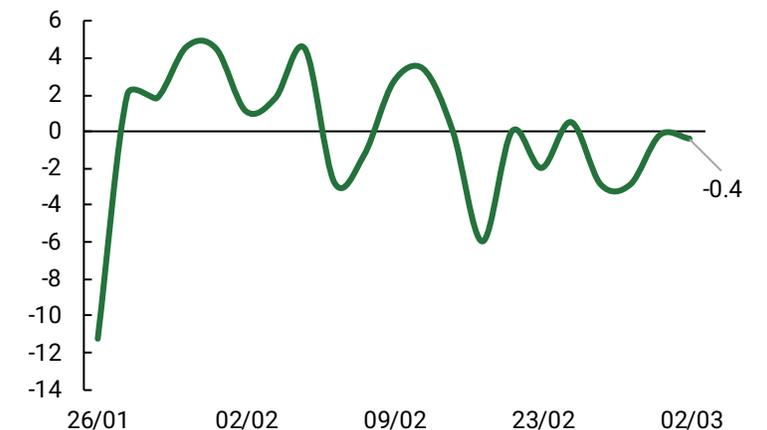
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	74,400	65,400	-12.1%	Bán
BCM	65,000	73,400	12.9%	Tăng tỷ trọng
CTG	36,850	45,200	22.7%	Mua
CTD	88,000	87,050	-1.1%	Giảm tỷ trọng
CTI	24,500	27,200	11.0%	Tăng tỷ trọng
DBD	53,900	68,000	26.2%	Mua
DDV	33,440	35,900	7.4%	Nắm giữ
DGC	75,300	99,300	31.9%	Mua
DGW	48,700	48,300	-0.8%	Giảm tỷ trọng
DPG	45,000	53,100	18.0%	Tăng tỷ trọng
DPR	45,650	46,500	1.9%	Nắm giữ
DRI	14,795	17,200	16.3%	Tăng tỷ trọng
EVF	13,750	14,400	4.7%	Nắm giữ
FRT	169,000	157,600	-6.7%	Giảm tỷ trọng
GMD	81,000	77,000	-4.9%	Giảm tỷ trọng
HAH	67,100	67,600	0.7%	Nắm giữ
HDG	28,000	34,500	23.2%	Mua
HHV	12,050	12,300	2.1%	Nắm giữ
HPG	28,500	34,300	20.4%	Mua
IMP	54,000	55,000	1.9%	Nắm giữ
KDH	27,150	38,800	42.9%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MSH	38,000	43,100	13.4%	Tăng tỷ trọng
MWG	90,000	99,600	10.7%	Tăng tỷ trọng
NLG	26,450	39,900	50.9%	Mua
NT2	28,900	27,700	-4.2%	Giảm tỷ trọng
PHR	67,400	72,800	8.0%	Nắm giữ
PNJ	124,500	113,300	-9.0%	Giảm tỷ trọng
PVS	52,100	39,900	-23.4%	Bán
PVT	25,700	18,900	-26.5%	Bán
SAB	47,200	57,900	22.7%	Mua
SSI	31,850	39,200	23.1%	Mua
TLG	54,800	53,400	-2.6%	Giảm tỷ trọng
TCB	34,650	35,650	2.9%	Nắm giữ
TCM	26,000	37,900	45.8%	Mua
TRC	81,900	94,800	15.8%	Tăng tỷ trọng
VCB	62,900	84,200	33.9%	Mua
VPB	28,050	37,000	31.9%	Mua
VCG	18,700	26,200	40.1%	Mua
VHC	64,200	60,000	-6.5%	Giảm tỷ trọng
VNM	66,600	66,650	0.1%	Nắm giữ
VSC	27,100	17,900	-33.9%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

THÔNG TIN VĨ MÔ

- 02/03 Vietnam & US – PMI Index
- 06/03 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 09/03 Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô
- 09/03 Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
- 11/03 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
- 13/03 Mỹ - Chỉ số PCE, ước tính GDP lần đầu
- 13/03 Việt Nam – VNM ETF công bố danh mục mới
- 18/03 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI)
- 19/03 Mỹ - FED quyết định lãi suất
- 19/03 EU - ECB quyết định lãi suất
- 19/03 Nhật Bản – BOJ quyết định lãi suất
- 20/03 Việt Nam – Đáo hạn phái sinh
- 20/03 Việt Nam - Quỹ ETF liên quan FTSE ETF & VNM ETF hoàn tất cơ cấu danh mục
- 31/03 Mỹ - Cơ hội việc làm và chỉ số niềm tin tiêu dùng

Đề xuất khống chế lợi nhuận 15% với nhà ở thương mại giá phù hợp: Dự thảo Nghị quyết về thí điểm phát triển nhà ở thương mại giá phù hợp do Bộ Xây dựng chủ trì xây dựng đã đề xuất cơ chế xác định giá bán, giá thuê mua được tính đúng, tính đủ chi phí và lợi nhuận tối đa 15% tổng vốn đầu tư dự án.

Xung đột tại Trung Đông - Iran tuyên bố không đàm phán với Mỹ: Trong bối cảnh các hoạt động quân sự giữa Mỹ, Israel và Iran tiếp diễn với các đòn không kích và đáp trả qua lại, Tehran tuyên bố không tiến hành đàm phán với Washington. Trong khi đó, các nước vùng Vịnh và ở khu vực châu Á kêu gọi nối lại con đường ngoại giao để hạ nhiệt căng thẳng.

Các hãng vận tải biển lớn đình chỉ hoạt động qua Eo biển Hormuz: Tình hình căng thẳng tại khu vực Trung Đông tiếp tục leo thang đã khiến các hãng vận tải hàng đầu thế giới như Maersk, MSC, Hapag-Lloyd và CMA CGM đồng loạt thông báo tạm ngừng hoạt động qua Eo biển Hormuz - tuyến đường thủy chiến lược vận chuyển gần 25% lượng dầu mỏ toàn cầu.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

TNG vượt 1,200 tỷ đồng doanh thu 2 tháng đầu năm: CTCP Đầu tư và Thương mại TNG vừa công bố kết quả kinh doanh sơ bộ tháng 2/2026 với doanh thu 506 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước, dù số ngày làm việc ít hơn. Lũy kế 2 tháng đầu năm, doanh thu đạt 1,221 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ, đồng thời là mức cao nhất trong 5 năm trở lại đây.

DCM - PVCFC mở rộng chuỗi giá trị bằng CO2 thực phẩm: Đầu tháng 2/2026, Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) chính thức đưa Dự án sản xuất CO₂ thực phẩm vào vận hành và bàn giao lô CO₂ thực phẩm thương mại đầu tiên với sản lượng 75 tấn.

PNJ góp vốn lập công ty con trong lĩnh vực dịch vụ tài chính: PNJ vừa thông qua Nghị quyết góp vốn thành lập công ty con tên Công ty CP Giải Pháp Tài sản An Tín ngành tài chính với vốn điều lệ 50 tỷ đồng, PNJ chiếm 65% vốn. Đồng thời, PNJ thay đổi nhân sự chủ chốt khi ông Lê Trí Thông thôi chức Tổng Giám đốc, nhường vị trí cho ông Phan Quốc Công từ 3/4/2026 với thời hạn 5 năm. Chủ tịch HĐQT Cao Thị Ngọc Dung cũng được giao vai trò Người công bố thông tin, đảm bảo minh bạch thông tin doanh nghiệp.

HUT - Tasco khởi công khu biệt thự cao cấp tại trung tâm tỉnh Phú Thọ: Dự án Việt Trì Legacy Lakeside trên tổng diện tích 17.3 ha được phát triển thành khu biệt thự đơn lập cao cấp với 92 căn, diện tích trung bình 300 m². Thiết kế Đông Dương - Nhiệt Đới, mật độ xây dựng dưới 60%, tập trung nhiều hồ nước, cây xanh, giúp cân bằng sinh thái. Dự án góp phần di dời các cơ sở gây ô nhiễm, cải thiện môi trường, thúc đẩy phát triển đô thị Việt Trì, dự kiến hoàn thành cuối 2027.

TAL - Taseco Group muốn bán ra hơn 10 triệu cổ phiếu TAL: Taseco Group đăng ký bán ra hơn 10 triệu cổ phiếu TAL bằng phương thức giao dịch thỏa thuận trong khoảng thời gian từ 5/3/2026 - 3/4/2026. Mục đích thực hiện giao dịch là để cơ cấu lại các khoản đầu tư. Nếu bán ra thành công, Taseco Group sẽ giảm sở hữu từ 62.8% về 60%.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415